

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/HS-ST
Ngày 12-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Lương Thị Kim Dung

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số: 300/TB-TA ngày 28/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đình M, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1964 tại Hải Phòng, ĐKNKTT: Thôn L, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Đình M (đã chết) và bà Vũ Thị D (đã chết); có vợ là Phạm Thị N (đã chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Án số 40/HSST ngày 20,21 tháng 03 năm 2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo 72 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (đã được xoá án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2021, chuyển tạm giam ngày 23/11/2021, có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 14 tháng 3 năm 1970 tại Hải Phòng, nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 4/10; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không; con ông Nguyễn Văn Á và bà Đàm Thị T (đã chết); có vợ là Đào Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2021, chuyển tạm giam ngày 23/11/2021, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Đình M: Ông Nguyễn Văn C – Luật sư Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Vũ Đình H – Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Hà Xuân T, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Trọng H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 30' ngày 15/11/2021, tại khu vực thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng, phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng kết hợp với các lực lượng chức năng bắt quả tang Bùi Đình M, sinh năm 1964, trú tại thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng đang bán ma túy cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1970, trú tại thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Thu giữ trên tay T một túi nilon màu xanh trong có 06 túi nilon đều chứa tinh thể màu trắng, giám định có 347,50 gam Methamphetamine. Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Văn T 01 điện thoại Iphone; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T. Thu giữ của Bùi Đình M 01 xe ô tô Madaz đỏ BKS 15A-648.15; 01 Đăng ký giấy chứng nhận xe ô tô mang tên Đỗ Tiến Huy; 2.000.000đồng; 01 điện thoại Iphone, 01 điện thoại Nokia, 01 ví chứa 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Bùi Đình M;

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T không thu giữ được gì. Khám xét chỗ ở của Bùi Đình M thu giữ 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng giám định là 2,87gam Methamphetamine.

Tổng cộng cả bắt quả tang và khám xét khẩn cấp nơi ở thu giữ của Bùi Đình M 350,37gam Methamphetamine.

Tại cơ quan công an, Bùi Đình M khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 15/11/2021, T gọi điện cho M hỏi mua 350 gam ma túy đá. M đồng ý bán và báo giá 35.000.000 đồng/100gam. Tổng cộng tiền là 122.500.000 đồng. T hẹn M mang ma túy đến khu vực đầu ngõ nhà T. Khoảng 12 giờ 30' M điều khiển ô tô Madaz BKS 15A-648.15 đến khu vực đường tàu gần ngõ nhà T dừng xe. T ra chỗ M, M hạ cửa kính xe đưa cho T túi nilon đựng ma túy đá. T vừa cầm túi ma túy đá từ tay

M thì bị cơ quan Công an bắt quả tang. M khai số ma túy thu giữ khi khám xét chỗ ở của M cũng để M bán thu lời.

Về nguồn gốc số ma túy Cơ quan Công An thu giữ, M khai M mua của một người phụ nữ không quen biết tên là Thu với giá 30.000.000 đồng/100gam vào khoảng 19 giờ ngày 14/11/2021 tại khu vực Ga Dụ Nghĩa.

Nguyễn Văn T khai nhận phù hợp với lời khai Bùi Đình M. T khai mua số ma túy trên của Bùi Đình M với mục đích để T để bán cho một thanh niên tên Hùng với giá 150.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 117/CT-VKS-P1 ngày 22/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố Bùi Đình M và Nguyễn Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến về nội dung Bản cáo trạng, thừa nhận về hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã nêu, việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan.

Sau phần xét hỏi, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trình bày quan điểm luận tội: Phân tích hành vi, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo và đề nghị:

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; khoản 2 Điều 35; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Bùi Đình M 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo mỗi bị cáo từ 10-20 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 03 điện thoại của M và T.
- Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, 01 cân điện tử, 01 túi quai xách màu nâu, 01 ví.
- Trả lại cho các bị cáo: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Đình M.
- Trả lại cho bị cáo Bùi Đình M số tiền 2.000.000 đồng nH cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Người bào chữa của bị cáo Bùi Đình M trình bày lời bào chữa: Về tội danh, điều luật, khung hình phạt như vị đại diện Viện Kiểm sát truy tố là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo M không phải là người

thường xuyên mua bán trái phép chất ma túy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Bố của bị cáo đã từng là chiến sĩ tham gia ở đoàn tàu không số, được Nhà nước khen tặng huân huy chương; gia đình bị có 02 anh tham gia bộ đội chống Mỹ, được Nhà nước khen thưởng, nH gia đình hiện không lưu giữ được các tài liệu này. Luật sư đã đề nghị UBND xã Đ xác minh nH gia đình bị cáo vì một số điều kiện nên chưa làm được. Bản thân bị cáo bị HIV giai đoạn cuối là bệnh hiểm nghèo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Thẩm phán chủ tọa công bố lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Về tội danh và khung hình phạt như Viện Kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo T trong vụ án. Bị cáo T không phải là người khởi xướng việc mua bán ma túy, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, bản thân bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận T hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Vũ Đình H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và đã gửi bài bào chữa cho Tòa án. Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến về việc vắng mặt người bào chữa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 291 xét xử vắng mặt Luật sư Vũ Đình H là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T.

- Về tội danh:

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Đình M và Nguyễn Văn T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã xác định như sau: Khoảng 12 giờ ngày 15/11/2021, T gọi điện cho M hỏi mua 350 gam ma túy đá. M đồng ý bán và báo giá 35.000.000 đồng/100gam.

Tổng cộng tiền là 122.500.000 đồng. Mục đích của T là mua và bán lại cho 1 đối tượng khác với giá 150.000.000đ/350gam. T hẹn M mang ma túy đến khu vực đầu ngõ nhà T. Khoảng 12 giờ 30' M điều khiển ô tô Madaz BKS 15A-648.15 đến khu vực đường tàu gần ngõ nhà T dừng xe. T ra chỗ M, M hạ cửa kính xe đưa cho T túi nilon đựng ma túy đá. T vừa cầm túi ma túy đá từ tay M thì bị cơ quan Công an bắt quả tang. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận Bùi Đình M và Nguyễn Văn T đã có hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Các bị cáo Bùi Đình M và Nguyễn Văn T giao dịch mua bán số lượng ma túy 347,50 gam Methamphetamine. Bị cáo Bùi Đình M phải chịu trách nhiệm với số lượng ma túy bị bắt quả tang và thu giữ tại nhà bị cáo, tổng 350,37gam Methamphetamine. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Bùi Đình M và Nguyễn Văn T đã có hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ Luật hình sự.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, khung hình phạt và điều luật là có cơ sở và đúng pháp luật.

[6] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận T được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích kiếm lời, phục vụ nhu cầu sinh H cho các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nhiều tác hại đến sức khỏe con người, làm lan tràn nạn nghiện ngập. Ma túy còn được xem là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo; qua đó, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy nói chung.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Bùi Đình M và Nguyễn Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo do gia đình các bị cáo có công với cách mạng, tuy nhiên trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận.

[9] *Về nhân thân:* Bị cáo Bùi Đình M bị Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 72 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 40/HSST ngày 20, 21 tháng 03 năm 2001, đã được xóa án tích, nH yếu tố về nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[10] *Về hình phạt:* Các bị cáo mua bán số lượng ma túy là 347,50 gam Methamphetamine. Theo Nghị quyết số: 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự 1999, trong đó tại điểm a, mục 3.1 của Nghị Quyết hướng dẫn Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, về hình phạt, xử phạt 20 năm tù nếu “*Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam đến dưới chín trăm gam*”. Mặc dù Nghị quyết hướng dẫn Bộ luật hình sự năm 1999 đã hết hiệu lực thi hành, nH chưa có nghị quyết hướng dẫn mới, Hội đồng xét xử cho rằng đây là một trong các căn cứ để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Mặt khác bị cáo M đã gần 60 tuổi, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã ăn năn về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên khi có người hỏi mua đã nảy sinh ý định mua bán kiếm lời, hiện nay bị cáo đã ngoài 50 tuổi, nên chỉ cần xử phạt các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đảm bảo tính răn đe, trừng trị các bị cáo.

[11] *Về hình phạt bổ sung*: Cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo mức đề nghị của Viện kiểm sát.

[12] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia của Bùi Đình M.

- Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại trong 01 phong bì niêm phong ma túy số 619MT/PC09 và 01 hộp niêm phong vỏ bao bì số 619MT-A/PC09; 01 cân điện tử màu trắng đen kích thước khoảng 7x3x1cm; 01 túi quai xách màu nâu; 01 ví.

- Trả lại cho các bị cáo: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Đình M.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Đình M số tiền 2.000.000 đồng nH cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng thể hiện chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

[13] *Về vấn đề khác*: Trong vụ án còn có người phụ nữ tên Thu bán ma túy cho Bùi Đình M tại khu vực ga Dụ Nghĩa nH do M khai không rõ lai lịch địa chỉ, vì vậy không có cơ sở để Cơ quan điều tra làm rõ xử lý.

[14] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; khoản 2 Điều 35; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Đình M 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ tính từ ngày tạm giữ 16/11/2021.

Nguyễn Văn T 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ tính từ ngày tạm giữ 16/11/2021.

Phạt tiền các bị cáo Bùi Đình M, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, trong 01 phong bì niêm phong ma túy số 619MT/PC09 và 01 hộp niêm phong vỏ bao bì số 619MT-A/PC09; 01 cân điện tử màu trắng đen kích thước khoảng 7x3x1cm; 01 túi quai xách màu nâu; 01 ví.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng-hồng, có số IMEI 358689090683499; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, có số IMEI: 359483083741541; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen có số IMEI 1: 353102110320410, IMEI 2: 353102110796916.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho các bị cáo: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T cho bị cáo Nguyễn Văn T; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Đình M cho bị cáo Bùi Đình M; trả lại cho bị cáo Bùi Đình M số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng NH cần tạm giữ 2.000.000 (Hai triệu) đồng của bị cáo M để đảm bảo thi hành án.

Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 19/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo Bùi Đình M, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường